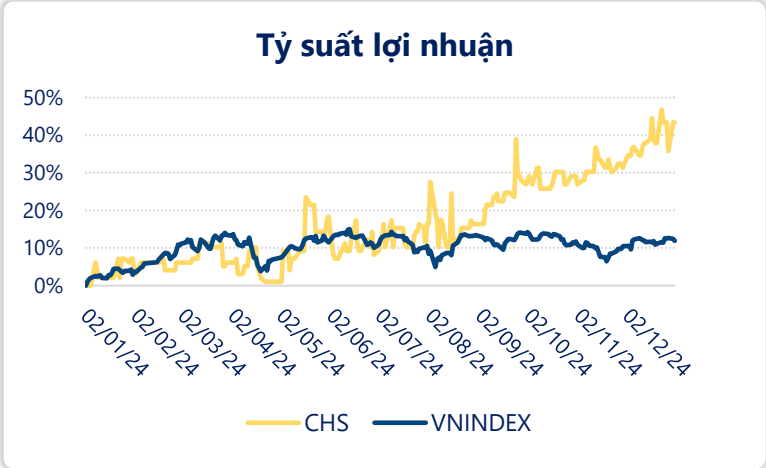
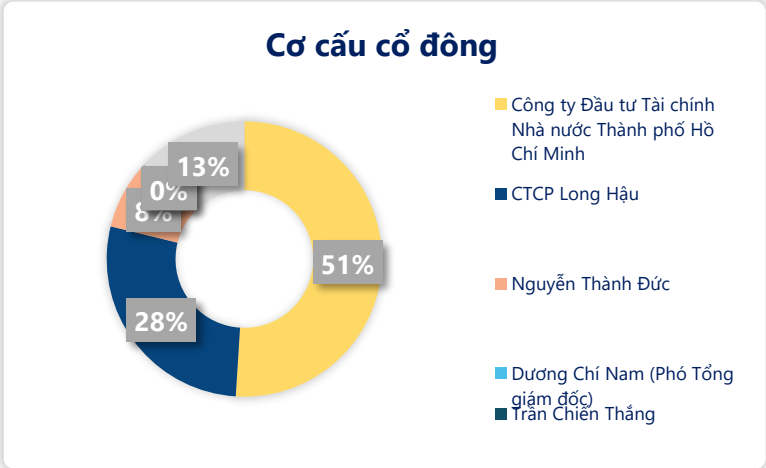
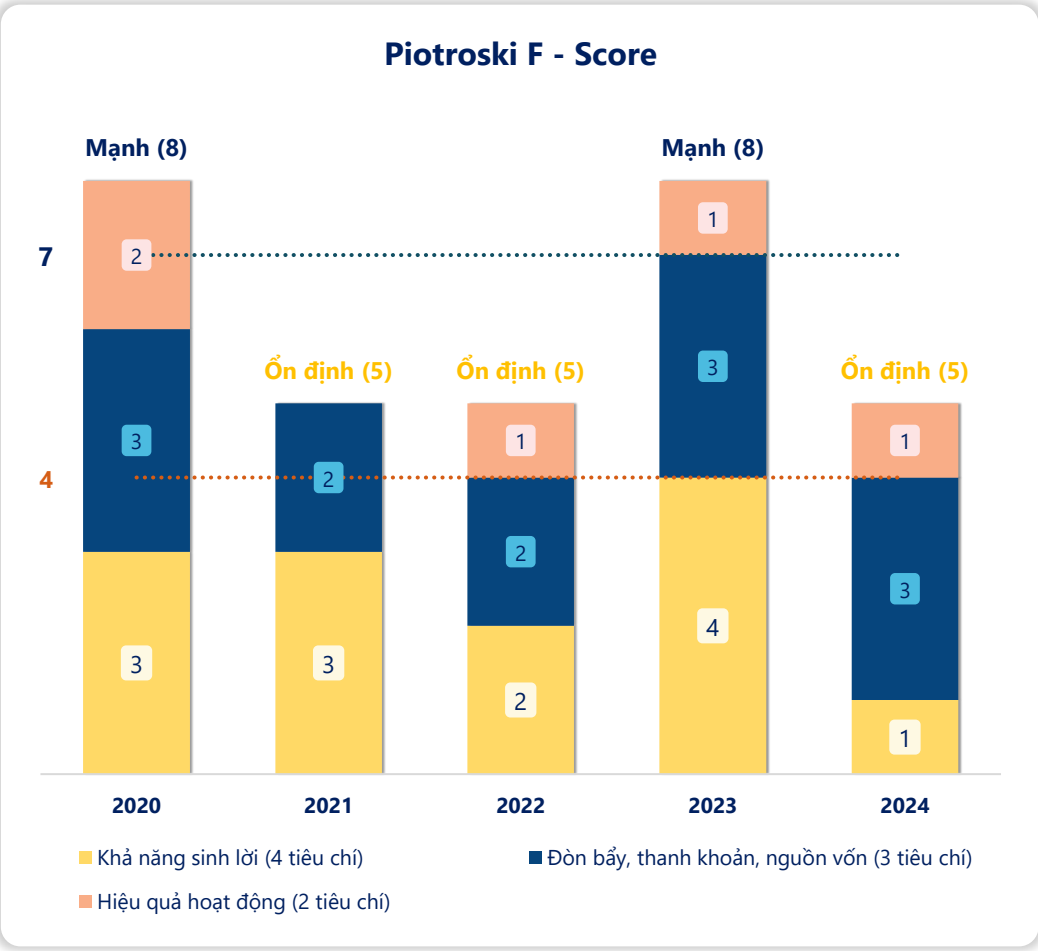


CTCP Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (UPCOM: CHS)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	13,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.6%	9.2%	24.4%

Sức mạnh tài chính	2024	2024	2024	2024
Piotroski F - Score	5/9	DT thuần	630	LN sau thuế
2024	(Ổn định)	tỷ VNĐ	YoY ▼ 6.00 ▼ 0.9%	tỷ VNĐ YoY ▼ 4.30 ▼ 10.9%

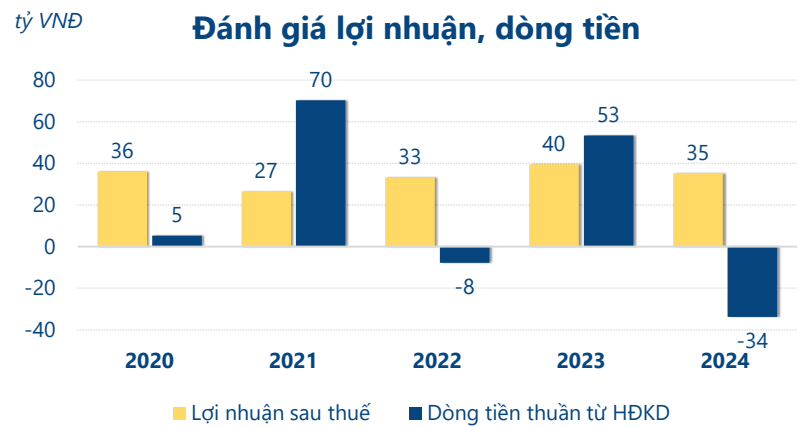
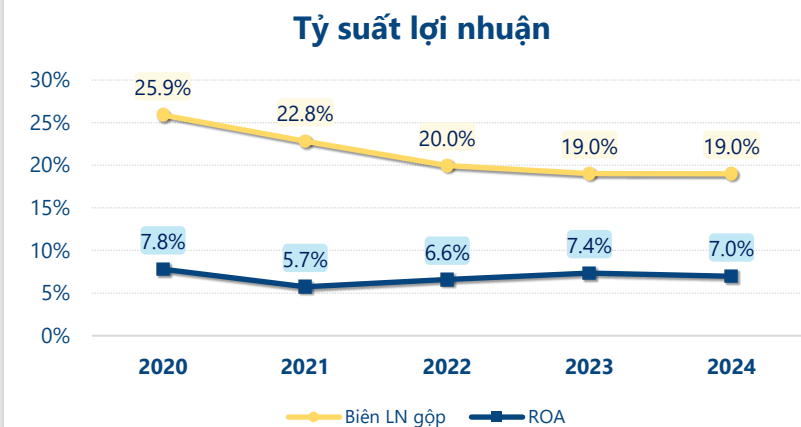
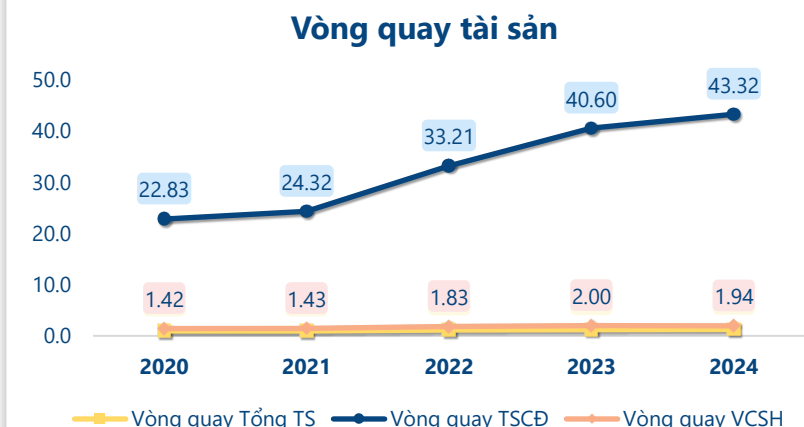


Năm 2024, F-Score của **CHS** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

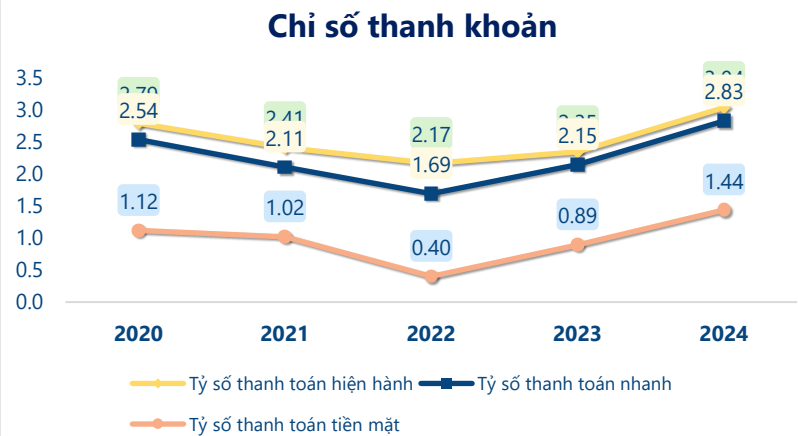
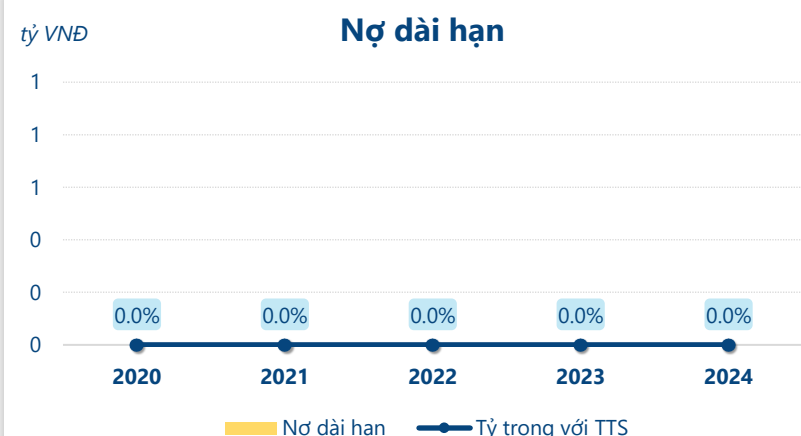
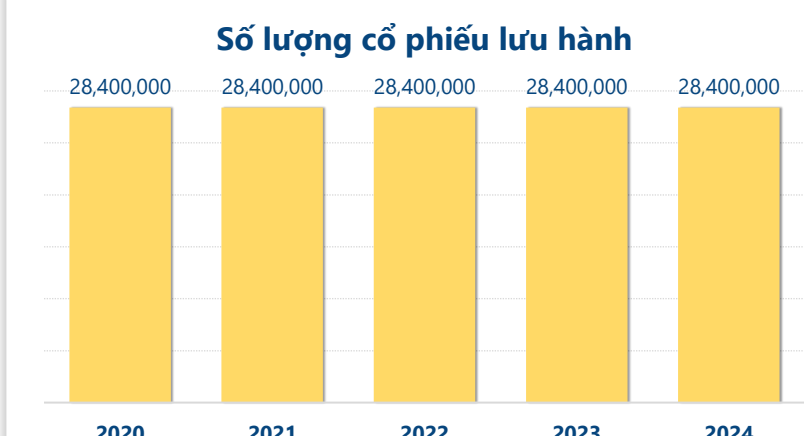
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **3/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (UPCOM: CHS)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CHS**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	470	543	-13.4%
Tài sản ngắn hạn	443	506	-12.5%
Tiền và tương đương tiền	210	192	9.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	70.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	193	197	-2.4%
Hàng tồn kho	30.6	43.9	-30.5%
Tài sản ngắn hạn khác	9.97	2.43	310%
Tài sản dài hạn	27.2	36.8	-26.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.0	15.1	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.2	21.8	-39.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	146	215	-32.3%
Nợ ngắn hạn	146	215	-32.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	66.0	123	-46.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	324	327	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	324	327	-1.0%
Vốn điều lệ	284	284	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.35	0.35	0.0%

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	438	437	558	636	630
Giá vốn hàng bán	325	337	446	515	510
Lợi nhuận gộp	113	99.8	111	121	120
Doanh thu HĐTC	8.54	6.99	7.36	11.5	6.20
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	76.9	73.6	74.5	82.5	81.9
LN thuần từ HĐKD	45.1	33.2	44.3	49.9	44.0
Lợi nhuận khác	0.05	0.15	-2.04	-0.07	0.18
LN trước thuế	45.1	33.3	42.2	49.9	44.2
Lợi nhuận sau thuế	36.0	26.6	33.3	39.6	35.3
LNST của CĐ cty mẹ	36.0	26.6	33.3	39.6	35.3

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.25	70.4	-7.79	53.4	-33.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.7	-18.4	-54.2	61.2	78.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.5	-29.4	-24.0	-12.8	-27.0
Tiền đầu kỳ	149	154	176	90.4	192
Lưu chuyển tiền thuần	4.47	22.6	-85.9	102	17.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	154	176	90.4	192	210